

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2020/HS-ST

Ngày: 13-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Đăng Khánh Phương;

2. Ông Mai Phú.

-Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Đăng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 79/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Như Yến V, sinh ngày 28 tháng 7 năm 1990; nơi sinh: Lâm Đồng; nơi cư trú: 13/36 đường N, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Tin Lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ (chết) và bà Nguyễn Như Thiên T (chết); chồng: Lục Sỹ Hoàng Phi H, sinh năm 1983; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án: không; tiền sự: Ngày 06/7/2015 bị Công an huyện L, tỉnh Lâm Đồng ra Quyết định xử phạt hành chính xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, hiện vẫn chưa chấp hành; Bị cáo hiện đang tại ngoại tại số nhà 3/36 đường N, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Có mặt)*

-Bị hại: Chị Đào Thị T, sinh năm: 1992; hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, nơi ở: 49/49 đường P, phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*

-Người làm chứng: Anh Trần Quang N. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Như Yên V là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định và thuê phòng trọ để ở tại địa chỉ số 49/49 đường P, phường I, thành phố Đ. Khoảng 08 giờ 00 ngày 08/11/2019, do không có tiền để đi khám thai nên V qua phòng trọ bên cạnh của chị Đào Thị T để mượn tiền nhưng chị T không cho nên V đi về lại phòng của mình. Một lúc sau, V tiếp tục qua phòng chị T mượn chiếc xe mô tô của chị T để đi về nhà bà ngoại nhưng chị T không cho mượn. Lúc này, V thấy chị T để chìa khóa xe mô tô trên kệ tủ bếp, lợi dụng lúc chị T không để ý, V đã lấy trộm chìa khóa xe của chị T rồi đi về phòng của mình. Đến khoảng 08 giờ 30 cùng ngày, V ra hành lang phòng trọ đến chỗ chiếc xe mô tô nhãn hiệu u Sirius, biển số 49B1-142... của chị T đang dựng, dùng chìa khóa vừa lấy được mở khóa điện nổ máy và điều khiển về nhà bà ngoại của V ở số 13/36 đường N, phường C, thành phố Đ. Nghe tiếng xe nổ thì chị T đang ở trong nhà chạy ra phát hiện xe đã bị mất nên đã sang phòng trọ của V hỏi nhưng không thấy V nên chị T đến trình báo công an phường I, thành phố Đ. Đến khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày, chồng của V là Lục Sỹ Hoàng Phi H đã đem chiếc xe mô tô biển số 49B1-142.... về trả lại cho chị T.

Tang vật thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng, đen biển số 49B1 – 142....

Người bị hại: chị Đào Thị T bị bị cáo V chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu u Sirius, biển số 49B1-142.... Tại Kết luận định giá số 673/KL-ĐG ngày 13/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ xác định chiếc xe trên trị giá 8.500.000 (*tám triệu năm trăm nghìn*) đồng. Ngày 22/12/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho chị T, chị T không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra xác định, thời điểm V trộm cắp chiếc xe mô tô của chị T thì anh H là chồng của V cũng đang ở trong phòng trọ, tuy nhiên anh H không biết việc V ra ngoài lấy trộm chiếc xe nên không có căn cứ để xử lý đối với anh H.

Cáo trạng số 75/CT-VKS ngày 26/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Lê Như Yên V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình thực hiện như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, không có nội dung gì thay đổi. Bị cáo không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận đối với bị cáo: giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị tuyên bố bị cáo Lê Như Yên V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Qua phân tích đánh giá tính chất mức độ về hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Lê Như Yên V từ 06-09 tháng tù.

Bị cáo không tranh luận gì thêm và nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên toà, bị hại chị T và người làm chứng anh N đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác, biên bản xác định hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 08/11/2019, tại nhà trọ số 49/49 đường P, phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, bị cáo Lê Như Yên V đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp của chị Đào Thị T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 49B1-142.... trị giá 8.500.000 (*tám triệu năm trăm nghìn*) đồng. Hành vi của bị cáo V thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện thì thấy rằng: Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì tư lợi cá nhân mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo đã có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản chưa chấp hành nhưng bị cáo vẫn không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội là thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo nên xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ mà bị cáo đã gây ra. Cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo: Bị cáo có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc khi xem xét hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, thời điểm phạm tội bị cáo đang mang thai và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên

áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên toà thể hiện bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập, hiện đang nuôi con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập.

[8] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản là chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu trắng, đen biển số 49B1 – 142... cho chị T là đảm bảo đúng quy định nên không đề cập.

[9] Quá trình điều tra xác định, thời điểm bị cáo V trộm cắp chiếc xe mô tô của chị T thì anh H là chồng của bị cáo cũng đang ở trong phòng trọ, tuy nhiên anh H không biết việc bị cáo ra ngoài lấy trộm chiếc xe nên không có căn cứ để xử lý đối với anh H.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Như Yến V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt Lê Như Yến V 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.
3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.
4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đà Lạt;
- Công an TP. Đà Lạt;
- THADS TP. Đà Lạt;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Lệ Quyên